

	SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU DEPARTMENT OF NATURAL RESOURCES AND ENVIRONMENT OF BARIA-VUNGTAU PROVINCE TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG CENTER FOR ENVIRONMENTAL MONITORING AND RESOURCES 28B Thi Sách, P.Thắng Tam, TP. Vũng Tàu - Tel: 0254.3523394 - Fax: 0254.3852413 Website: quantracmoitruongvungtau.com.vn Email: quantracmoitruongvungtau@gmail.com	
B23.110/TTQT B23.74	KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	Ngày (Date): 04/04/2023 Trang (Page): 01/02

1. Tên mẫu : Nước thải sau hệ thống xử lý tại cống xả nước thải nhà máy vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN Mỹ Xuân A2. Tọa độ X: 1174679; Y: 422207.
Sample Name
2. Ngày nhận mẫu : 24/03/2023.
Date of receive sample
3. Khách hàng : Công ty cổ phần China Steel & Nippon Steel Viet Nam.
Customer
4. Kết quả thử nghiệm :
Test result

Tên chỉ tiêu <i>Name of analysis norm</i>		Phương pháp thử <i>Test method</i>	Kết quả thử nghiệm <i>Test result</i>
1. Oxi hòa tan (DO)	mg/l	TCVN 12026:2018	6,3
2. Cr ⁶⁺	mg/l	TCVN 6658:2000	KPH (<0,010)
3. COD*	mg/l	SMEWW 5220D:2017	KPH (<30)
4. Tổng dầu, mỡ*	mg/l	SMEWW 5520B:2017	KPH (<0,3)
5. Độ đục	NTU	TCVN 6184:2008	4,7
6. Crom (Cr)*	mg/l	US EPA Method 3015A & SMEWW 3120 B: 2017	KPH (<0,050)
7. Cr ³⁺	mg/l	Tham khảo TCVN 6658:2000-SMEWW 3120B:2017	KPH (<0,010)
8. Kẽm (Zn)*	mg/l	US EPA Method 3015A & SMEWW 3120 B: 2017	0,089
9. Đồng (Cu)*	mg/l	US EPA Method 3015A & SMEWW 3120 B: 2017	KPH (<0,050)
10. Niken (Ni)*	mg/l	US EPA Method 3015A & SMEWW 3120 B: 2017	KPH (<0,050)
11. E.coli	MPN/100ml	TCVN 6187-2:2020	40
12. Cadimi (Cd)	mg/l	US EPA Method 3015A & US EPA Method 200.8	KPH (<0,0020)
13. Amoni (NH ₄ ⁺ tính theo N)*	mg/l	TCVN 5988:1995	6,00
14. BOD ₅ (ở 20°C)*	mg/l	TCVN 6001-1:2021	KPH (<3,0)
15. Chất rắn lơ lửng (TSS)*	mg/l	TCVN 6625:2000	2,8
16. Nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo N)*	mg/l	TCVN 6494-1:2011	3,1
17. T - Coliform	MPN/100ml	TCVN 6187-2:2020	90
18. Tổng Nitơ (T-N)*	mg/l	TCVN 6638:2000	KPH (<10,0)

	SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH BÀ RIA – VŨNG TÀU DEPARTMENT OF NATURAL RESOURCES AND ENVIRONMENT OF BARIA-VUNGTAU PROVINCE TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG CENTER FOR ENVIRONMENTAL MONITORING AND RESOURCES 28B Thị Sách, P.Thắng Tam, TP. Vũng Tàu - Tel: 0254.3523394 - Fax: 0254.3852413 Website: quantracmoitruongvungtau.com.vn Email: quantracmoitruongvungtau@gmail.com	 
B23.110/TTQT B23.74	KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	Ngày (Date): 04/04/2023 Trang (Page): 02/02

Tên chỉ tiêu <i>Name of analysis norm</i>	Phương pháp thử <i>Test method</i>	Kết quả thử nghiệm <i>Test result</i>
19. Tổng phốt pho (T-P)* mg/l	TCVN 6202:2008	KPH (<0,020)
20. Chì (Pb)* mg/l	USEPA Method 3015A & US EPA Method 200.8	KPH (<0,0040)
21. pH	TCVN 6492:2011	6,7
22. Nhiệt độ °C	SMEWW 2550B:2017	32,1

Ghi chú: Mẫu do TTQTTN & MT lấy lúc 09h40.

(*): Chỉ tiêu được BOA công nhận. Số hiệu VILAS 149.

KPH: Không phát hiện.

Mẫu được lấy theo Hợp đồng 21P1O00007 ngày 01/04/2021.

PHÓ TRƯỞNG PHÒNG PHÂN TÍCH

GIÁM ĐỐC



Võ Thị Kim Chi



Lê Tuấn Kiệt

	SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU DEPARTMENT OF NATURAL RESOURCES AND ENVIRONMENT OF BARIA-VUNGTAU PROVINCE TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG CENTER FOR ENVIRONMENTAL MONITORING AND RESOURCES 28B Thị Sách, P.Thắng Tam, TP. Vũng Tàu - Tel: 0254.3523394 - Fax: 0254.3852413 Website: quantracmoitruongvungtau.com.vn Email: quantracmoitruongvungtau@gmail.com	
B23.112/TTQT B23.76	KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	Ngày (Date): 04/04/2023 Trang (Page): 01/01

1. Tên mẫu : Nước mặt sông Thị Vải, cách 100m về phía hạ nguồn so với điểm đổ nước làm mát của Nhà máy vào sông (NM2). Tọa độ X: 1174629; Y: 422100.
Sample Name
2. Ngày nhận mẫu : 24/03/2023.
Date of receive sample
3. Khách hàng : Công ty cổ phần China Steel & Nippon Steel Viet Nam.
Customer
4. Kết quả thử nghiệm :
Test result

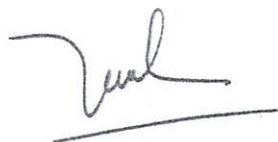
Tên chỉ tiêu <i>Name of analysis norm</i>		Phương pháp thử <i>Test method</i>	Kết quả thử nghiệm <i>Test result</i>
1. Chất rắn lơ lửng (TSS)*	mg/l	TCVN 6625:2000	38
2. Độ đục	NTU	TCVN 6184:2008	26,7
3. Nhiệt độ	°C	SMEWW 2550B:2017	33,1
4. Clorua (Cl ⁻)*	mg/l	TCVN 6194:1996	4136

Ghi chú: Mẫu do TTQTTN & MT lấy lúc 11h50.

(*): Chỉ tiêu được BOA công nhận. Số hiệu VILAS 149.

Mẫu được lấy theo Hợp đồng 21P1000007 ngày 01/04/2021.

PHÓ TRƯỞNG PHÒNG PHÂN TÍCH



Võ Thị Kim Chi

GIÁM ĐỐC



Lê Tuấn Kiệt

	SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU DEPARTMENT OF NATURAL RESOURCES AND ENVIRONMENT OF BARIA-VUNGTAU PROVINCE TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG CENTER FOR ENVIRONMENTAL MONITORING AND RESOURCES 28B Thi Sách, P. Thới Tam, TP. Vũng Tàu - Tel: 0254.3523394 - Fax: 0254.3852413 Website: quantracmoitruongvungtau.com.vn Email: quantracmoitruongvungtau@gmail.com	
B23.111/TTQT B23.75	KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	Ngày (Date): 04/04/2023 Trang (Page): 01/01

1. Tên mẫu : Nước mặt tại Cầu Rạch Trái, cách 500m về phía thượng nguồn so với điểm xả nước làm mát của nhà máy vào rạch (NM1). Tọa độ X: 1174643; Y: 422140.
Sample Name
2. Ngày nhận mẫu : 24/03/2023.
Date of receive sample
3. Khách hàng : Công ty cổ phần China Steel & Nippon Steel Viet Nam.
Customer
4. Kết quả thử nghiệm :
Test result

Tên chỉ tiêu Name of analysis norm		Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test result
1. Độ đục	NTU	TCVN 6184:2008	25,5
2. Nhiệt độ	°C	SMEWW 2550B:2017	32,7
3. Chất rắn lơ lửng (TSS)*	mg/l	TCVN 6625:2000	37
4. Clorua (Cl ⁻)*	mg/l	TCVN 6194:1996	4240

Ghi chú: Mẫu do TTQTTN & MT lấy lúc 11h40.

(*): Chỉ tiêu được BOA công nhận. Số hiệu VILAS 149.

Mẫu được lấy theo Hợp đồng 21P1O00007 ngày 01/04/2021.

PHÓ TRƯỞNG PHÒNG PHÂN TÍCH

GIÁM ĐỐC



Võ Thị Kim Chi




Lê Tuấn Kiệt

	SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU DEPARTMENT OF NATURAL RESOURCES AND ENVIRONMENT OF BARIA-VUNGTAU PROVINCE TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG CENTER FOR ENVIRONMENTAL MONITORING AND RESOURCES 28B Thi Sách, P.Thắng Tam, TP. Vũng Tàu - Tel: 0254.3523394 - Fax: 0254.3852413 Website: quantracmoitruongvungtau.com.vn Email: quantracmoitruongvungtau@gmail.com	 
B23.110/TTQT B23.74	KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	Ngày (Date): 04/04/2023 Trang (Page): 01/02

1. Tên mẫu : Nước thải sau hệ thống xử lý tại cống xả nước thải nhà máy vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN Mỹ Xuân A2. Tọa độ X: 1174679; Y: 422207.
Sample Name
2. Ngày nhận mẫu : 24/03/2023.
Date of receive sample
3. Khách hàng : Công ty cổ phần China Steel & Nippon Steel Viet Nam.
Customer
4. Kết quả thử nghiệm :
Test result

Tên chỉ tiêu <i>Name of analysis norm</i>		Phương pháp thử <i>Test method</i>	Kết quả thử nghiệm <i>Test result</i>
1. Oxi hòa tan (DO)	mg/l	TCVN 12026:2018	6,3
2. Cr ⁶⁺	mg/l	TCVN 6658:2000	KPH (<0,010)
3. COD*	mg/l	SMEWW 5220D:2017	KPH (<30)
4. Tổng dầu, mỡ*	mg/l	SMEWW 5520B:2017	KPH (<0,3)
5. Độ đục	NTU	TCVN 6184:2008	4,7
6. Crom (Cr)*	mg/l	US EPA Method 3015A & SMEWW 3120 B: 2017	KPH (<0,050)
7. Cr ³⁺	mg/l	Tham khảo TCVN 6658:2000-SMEWW 3120B:2017	KPH (<0,010)
8. Kẽm (Zn)*	mg/l	US EPA Method 3015A & SMEWW 3120 B: 2017	0,089
9. Đồng (Cu)*	mg/l	US EPA Method 3015A & SMEWW 3120 B: 2017	KPH (<0,050)
10. Niken (Ni)*	mg/l	US EPA Method 3015A & SMEWW 3120 B: 2017	KPH (<0,050)
11. E.coli	MPN/100ml	TCVN 6187-2:2020	40
12. Cadimi (Cd)	mg/l	US EPA Method 3015A & US EPA Method 200.8	KPH (<0,0020)
13. Amoni (NH ₄ ⁺ tính theo N)*	mg/l	TCVN 5988:1995	6,00
14. BOD ₅ (ở 20°C)*	mg/l	TCVN 6001-1:2021	KPH (<3,0)
15. Chất rắn lơ lửng (TSS)*	mg/l	TCVN 6625:2000	2,8
16. Nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo N)*	mg/l	TCVN 6494-1:2011	3,1
17. T - Coliform	MPN/100ml	TCVN 6187-2:2020	90
18. Tổng Nitơ (T-N)*	mg/l	TCVN 6638:2000	KPH (<10,0)

	SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH BÀ RIA - VŨNG TÀU DEPARTMENT OF NATURAL RESOURCES AND ENVIRONMENT OF BARIA-VUNGTAU PROVINCE TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG CENTER FOR ENVIRONMENTAL MONITORING AND RESOURCES 28B Thi Sách, P.Thắng Tam, TP. Vũng Tàu - Tel: 0254.3523394 - Fax: 0254.3852413 Website: quantracmoitruongvungtau.com.vn Email: quantracmoitruongvungtau@gmail.com	
B23.110/TTQT B23.74	KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	Ngày (Date): 04/04/2023 Trang (Page): 02/02

Tên chỉ tiêu <i>Name of analysis norm</i>	Phương pháp thử <i>Test method</i>	Kết quả thử nghiệm <i>Test result</i>
19. Tổng phốt pho (T-P)* mg/l	TCVN 6202:2008	KPH (<0,020)
20. Chì (Pb)* mg/l	USEPA Method 3015A & US EPA Method 200.8	KPH (<0,0040)
21. pH	TCVN 6492:2011	6,7
22. Nhiệt độ °C	SMEWW 2550B:2017	32,1

Ghi chú: Mẫu do TTQTTN & MT lấy lúc 09h40.

(*): Chỉ tiêu được BOA công nhận. Số hiệu VILAS 149.

KPH: Không phát hiện.

Mẫu được lấy theo Hợp đồng 21P1O00007 ngày 01/04/2021.

PHÓ TRƯỞNG PHÒNG PHÂN TÍCH

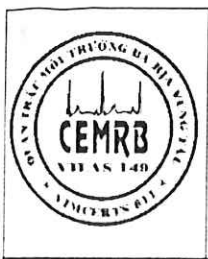
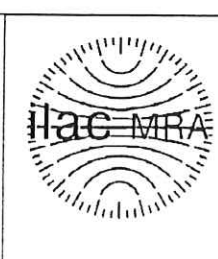
GIÁM ĐỐC



Võ Thị Kim Chi



Lê Tuấn Kiệt

	SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU DEPARTMENT OF NATURAL RESOURCES AND ENVIRONMENT OF BARIA-VUNGTAU PROVINCE TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG CENTER OF ENVIRONMENTAL MONITORING AND RESOURCES 28B Thị Sách, P.Thắng Tam, TP.Vũng Tàu - Tel: 064.3523394 - Fax: 064.3852413 Website: quantracmoitruongvungtau.com Email: quantracmoitruongvungtau@gmail.com		 VILAS 149
--	---	--	---

B23.74 -76/TTQT A23.0033	PHIẾU KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG ENVIRONMENT MONITORING REPORT	Ngày: 20/03/2023 Trang: 01/01
---	---	--

1. Vị trí đo <i>Measurement Location</i>	: K1- K3 KK61-KK63
2. Ngày đo <i>Date of measurement</i>	: 09/03/2023
3. Khách hàng <i>Customer</i>	: Công ty cổ phần China Steel & Nippon Steel Việt Nam.
4. Kết quả đo <i>Measurement result</i>	:

Tên chỉ tiêu <i>Name of measurement norm</i>	Thiết bị đo/Phương pháp <i>Methods/Equipment for measurement</i>	Kết quả <i>Result</i>		
		K1	K2	K3
1. Bụi toàn phần mg/m ³	TCVN 5067:1995	0,045	0,057	0,054
2. Bụi PM10 mg/m ³	MASA 501	<0,033	0,043	0,040
3. Nhiệt độ °C	SOP-PQT-30	31,6	30,5	30,4
4. Độ ẩm %	SOP-PQT-30	44,0	46,0	46,5
5. Vận tốc gió m/s	SOP-PQT-30	0,23	0,48	0,19
6. Khí SO ₂ mg/m ³	TCVN 5971:1995	<0,033	<0,033	<0,033
7. Khí NO ₂ mg/m ³	TCVN 6137:2009	<0,010	<0,010	0,017
8. Khí CO mg/m ³	SOP-PTN-CO	<6,75	<6,75	<6,75

***Ghi chú:**

- K1: Không khí khu vực ống khói bên ngoài xưởng (KK63). Tọa độ X = 1174464, Y = 422762.
- K2: Không khí khu vực làm nguội tấm thép (KK62). Tọa độ X = 1174481, Y = 422711.
- K3: Không khí khu vực 02 bồn chứa hóa chất (KK61). Tọa độ X = 1174483, Y = 422794.
- Mẫu do Trung tâm Quan trắc TN&MT lấy theo Hợp đồng số 21P1000007 ngày 01/04/2021.

**TRƯỞNG PHÒNG
DỊCH VỤ TƯ VẤN MÔI TRƯỜNG**


Nguyễn Thị Hằng

**GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Xuân Sơn

	SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU DEPARTMENT OF NATURAL RESOURCES AND ENVIRONMENT OF BARIA-VUNGTAU PROVINCE TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG CENTER OF ENVIRONMENTAL MONITORING AND RESOURCES 28B Thi Sách, P.Thắng Tam, TP.Vũng Tàu - Tel: 0254.3523394 - Fax: 0254.3852413 Website: quantracmoitruongvungtau.com Email: quantracmoitruongvungtau@gmail.com		
--	---	--	--

B23.63/TTQT A22.0024	PHIẾU KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG ENVIRONMENT MONITORING REPORT	Ngày: 20/03/2023 Trang: 01/01
---	---	--

1. Vị trí đo <i>Measurement Location</i>	: Không khí khu vực cách ranh giới phía Bắc Nhà máy khoảng 500m (K1). Vị trí lấy mẫu có tọa độ X = 1174330, Y = 422169.
2. Ngày đo <i>Date of measurement</i>	: 08/03/2023
3. Khách hàng <i>Customer</i>	: Công ty cổ phần China Steel & Nippon Steel Việt Nam.
4. Kết quả đo <i>Measurement result</i>	:

Tên chỉ tiêu <i>Name of measurement norm</i>	Thiết bị đo/Phương pháp <i>Methods/Equipment for measurement</i>	Kết quả <i>Result</i>	QCVN 05:2013/BTNMT
1. Bụi toàn phần mg/m ³	TCVN 5067:1995	0,037	0,3
2. Bụi PM10 mg/m ³	MASA 501	<0,033	-
3. Nhiệt độ °C	SOP-PQT-30	31,3	-
4. Độ ẩm %	SOP-PQT-30	59,3	-
5. Vận tốc gió m/s	SOP-PQT-30	1,16	-
6. Khí SO ₂ mg/m ³	TCVN 5971:1995	<0,033	0,35
7. Khí NO ₂ mg/m ³	TCVN 6137:2009	<0,010	0,2
8. Khí CO mg/m ³	SOP-PTN-CO	<6,75	30

***Ghi chú:**

- Mẫu do Trung tâm Quan trắc TN&MT lấy theo Hợp đồng số 21P1O00007 ngày 01/04/2021.

-: Không quy định.

TRƯỞNG PHÒNG
DỊCH VỤ TƯ VẤN MÔI TRƯỜNG

Nguyễn Thị Hằng

GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Xuân Sơn

	SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU DEPARTMENT OF NATURAL RESOURCES AND ENVIRONMENT OF BARIA-VUNGTAU PROVINCE TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG CENTER OF ENVIRONMENTAL MONITORING AND RESOURCES 28B Thị Sách, P. Thắng Tam, TP. Vũng Tàu - Tel: 0254.3523394 - Fax: 0254.3852413 Website: quantracmoitruongvungtau.com Email: quantracmoitruongvungtau@gmail.com		 VILAS 149
---	---	---	--

B23.64/TTQT A23.0025	PHIẾU KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG ENVIRONMENT MONITORING REPORT	Ngày: 20/03/2023 Trang: 01/01
---	---	--

1. Vị trí đo <i>Measurement Location</i>	: Không khí khu vực cách ranh giới phía Tây Nam Nhà máy khoảng 500m (K2). Vị trí lấy mẫu có tọa độ X=1175230, Y=422818.
2. Ngày đo <i>Date of measurement</i>	: 08/03/2023
3. Khách hàng <i>Customer</i>	: Công ty cổ phần China Steel & Nippon Steel Việt Nam.
4. Kết quả đo <i>Measurement result</i>	:

Tên chỉ tiêu <i>Name of measurement norm</i>	Thiết bị đo/Phương pháp <i>Methods/Equipment for measurement</i>	Kết quả <i>Result</i>	QCVN 05:2013/BTNMT
1. Bụi toàn phần mg/m ³	TCVN 5067:1995	<0,033	0,3
2. Bụi PM10 mg/m ³	MASA 501	<0,033	-
3. Nhiệt độ °C	SOP-PQT-30	33,4	-
4. Độ ẩm %	SOP-PQT-30	52,7	-
5. Vận tốc gió m/s	SOP-PQT-30	2,09	-
6. Khí SO ₂ mg/m ³	TCVN 5971:1995	<0,033	0,35
7. Khí NO ₂ mg/m ³	TCVN 6137:2009	<0,010	0,2
8. Khí CO mg/m ³	SOP-PTN-CO	<6,75	30

***Ghi chú:**

- Mẫu do Trung tâm Quan trắc TN&MT lấy theo Hợp đồng số 21P1O00007 ngày 01/04/2021.

-: Không quy định.

TRƯỞNG PHÒNG
DỊCH VỤ TƯ VẤN MÔI TRƯỜNG



Nguyễn Thị Hằng

GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Xuân Sơn

	SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU DEPARTMENT OF NATURAL RESOURCES AND ENVIRONMENT OF BARIA-VUNGTAU PROVINCE TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG CENTER OF ENVIRONMENTAL MONITORING AND RESOURCES 28B Thị Sách, P. Thới Tam, TP. Vũng Tàu - Tel: 0254.3523394 - Fax: 0254.3852413 Website: quantracmoitruongvungtau.com Email: quantracmoitruongvungtau@gmail.com		 BUREAU OF ACCREDITATION VIETNAM VILAS 149
---	--	---	--

B23.65/TTQT A23.0026	PHIẾU KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG ENVIRONMENT MONITORING REPORT	Ngày: 20/03/2023 Trang: 01/01
---	---	--

1. Vị trí đo <i>Measurement Location</i>	: Không khí khu vực văn phòng của Nhà máy (K3). Vị trí lấy mẫu có tọa độ X = 1174491, Y = 422323.
2. Ngày đo <i>Date of measurement</i>	: 08/03/2023
3. Khách hàng <i>Customer</i>	: Công ty cổ phần China Steel & Nippon Steel Việt Nam.
4. Kết quả đo <i>Measurement result</i>	:

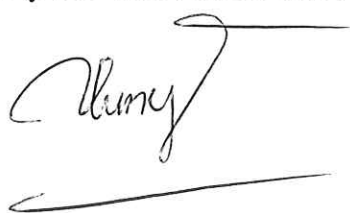
Tên chỉ tiêu <i>Name of measurement norm</i>	Thiết bị đo/Phương pháp <i>Methods/Equipment for measurement</i>	Kết quả <i>Result</i>	QCVN 05:2013/BTNMT
1. Bụi toàn phần mg/m ³	TCVN 5067:1995	0,064	0,3
2. Bụi PM10 mg/m ³	MASA 501	0,037	-
3. Nhiệt độ °C	SOP-PQT-30	29,8	-
4. Độ ẩm %	SOP-PQT-30	64,7	-
5. Vận tốc gió m/s	SOP-PQT-30	0,50	-
6. Khí SO ₂ mg/m ³	TCVN 5971:1995	<0,033	0,35
7. Khí NO ₂ mg/m ³	TCVN 6137:2009	<0,010	0,2
8. Khí CO mg/m ³	SOP-PTN-CO	<6,75	30

***Ghi chú:**

- Mẫu do Trung tâm Quan trắc TN&MT lấy theo Hợp đồng số 21P1O00007 ngày 01/04/2021.

-: Không quy định.

TRƯỞNG PHÒNG
DỊCH VỤ TƯ VẤN MÔI TRƯỜNG



Nguyễn Thị Hằng

GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Xuân Sơn

	SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU DEPARTMENT OF NATURAL RESOURCES AND ENVIRONMENT OF BARIA-VUNGTAU PROVINCE TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG CENTER OF ENVIRONMENTAL MONITORING AND RESOURCES 28B Thị Sách, P.Thắng Tam, TP. Vũng Tàu - Tel: 0254.3523394 - Fax: 0254.3852413 Website: quantracmoitruongvungtau.com Email: quantracmoitruongvungtau@gmail.com		
---	--	---	---

B23.133/TTQT A23.0056	PHIẾU KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG ENVIRONMENT MONITORING REPORT	Ngày: 10/04/2023 Trang: 01/01
--	---	--

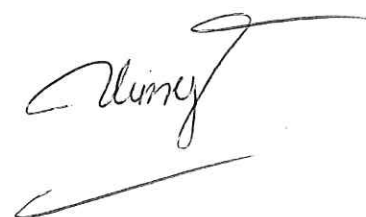
1. Vị trí đo <i>Measurement Location</i>	: Không khí khu vực luyện thép (K4). Vị trí lấy mẫu có tọa độ X = 1174580, Y = 422787.
2. Ngày đo <i>Date of measurement</i>	: 30/03/2023
3. Khách hàng <i>Customer</i>	: Công ty cổ phần China Steel & Nippon Steel Việt Nam.
4. Kết quả đo <i>Measurement result</i>	:

Tên chỉ tiêu <i>Name of measurement norm</i>	Thiết bị đo/Phương pháp <i>Methods/Equipment for measurement</i>	Kết quả <i>Result</i>	QCVN 05:2013/BTNMT
1. Bụi toàn phần mg/m ³	TCVN 5067:1995	<0,033	0,3
2. Bụi PM10 mg/m ³	MASA 501	<0,033	-
3. Nhiệt độ °C	SOP-PQT-30	32,7	-
4. Độ ẩm %	SOP-PQT-30	57,0	-
5. Vận tốc gió m/s	SOP-PQT-30	2,8	-
6. Khí SO ₂ mg/m ³	TCVN 5971:1995	<0,033	0,35
7. Khí NO ₂ mg/m ³	TCVN 6137:2009	<0,010	0,2
8. Khí CO mg/m ³	SOP-PTN-CO	<6,75	30

***Ghi chú:**

- Mẫu do Trung tâm Quan trắc TN&MT lấy theo Hợp đồng số 21P1O00007 ngày 01/04/2021.
-: Không quy định.

TRƯỞNG PHÒNG
DỊCH VỤ TƯ VẤN MÔI TRƯỜNG



Nguyễn Thị Hằng

GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Xuân Sơn

	SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU DEPARTMENT OF NATURAL RESOURCES AND ENVIRONMENT OF BARIA-VUNGTAU PROVINCE TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG CENTER OF ENVIRONMENTAL MONITORING AND RESOURCES 28B Thi Sách, P.Thắng Tam, TP.Vũng Tàu - Tel: 0254.3523394 - Fax: 0254.3852413 Website: quantracmoitruongvungtau.com Email: quantracmoitruongvungtau@gmail.com	 
---	---	---

B23.134/TTQT A23.0057	PHIẾU KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG ENVIRONMENT MONITORING REPORT	Ngày: 10/04/2023 Trang: 01/01
--	---	--

1. Vị trí đo <i>Measurement Location</i>	: Không khí xung quanh khu vực tẩy gỉ K5. Toạ độ X = 1174656, Y = 422819.
2. Ngày đo <i>Date of measurement</i>	: 30/03/2023
3. Khách hàng <i>Customer</i>	: Công ty cổ phần China Steel & Nippon Steel Việt Nam.
4. Kết quả đo <i>Measurement result</i>	:

Tên chỉ tiêu <i>Name of measurement norm</i>	Thiết bị đo/Phương pháp <i>Methods/Equipment for measurement</i>	Kết quả <i>Result</i>	QCVN 05:2013/BTNMT
1. Bụi toàn phần mg/m ³	TCVN 5067:1995	<0,033	0,3
2. Bụi PM10 mg/m ³	MASA 501	<0,033	-
3. Nhiệt độ °C	SOP-PQT-30	32,5	-
4. Độ ẩm %	SOP-PQT-30	57,8	-
5. Vận tốc gió m/s	SOP-PQT-30	2,1	-
6. Khí SO ₂ mg/m ³	TCVN 5971:1995	<0,033	0,35
7. Khí NO ₂ mg/m ³	TCVN 6137:2009	<0,010	0,2
8. Khí CO mg/m ³	SOP-PTN-CO	<6,75	30
9. Khí HCl* mg/m ³	NIOSH Method 7907	<0,0019	-

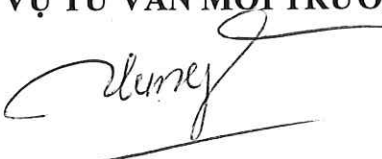
***Ghi chú:**

- Mẫu do Trung tâm Quan trắc TN&MT lấy theo Hợp đồng số 21P1O00007 ngày 01/04/2021.

- (*) Trích sao kết quả của nhà thầu phụ "Trung tâm Tư vấn Công nghệ môi trường và An toàn vệ sinh lao động".

-: Không quy định.

TRƯỞNG PHÒNG
DỊCH VỤ TƯ VẤN MÔI TRƯỜNG

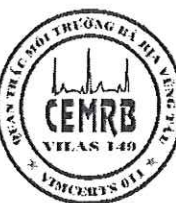


Nguyễn Thị Hằng

GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC




Nguyễn Xuân Sơn

	SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU DEPARTMENT OF NATURAL RESOURCES AND ENVIRONMENT OF BARIA-VUNGTAU PROVINCE TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG CENTER OF ENVIRONMENTAL MONITORING AND RESOURCES 28B Thị Sách, P.Thắng Tam, TP.Vũng Tàu - Tel: 0254.3523394 - Fax: 0254.3852413 Website: quantracmoitruongvungtau.com Email: quantracmoitruongvungtau@gmail.com		
---	--	---	---

B23.132/TTQT A23.0055	PHIẾU KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG ENVIRONMENT MONITORING REPORT	Ngày: 10/04/2023 Trang: 01/01
--	---	--

1. Vị trí đo <i>Measurement Location</i>	: Không khí khu vực cán nóng (K7). Vị trí lấy mẫu có tọa độ X = 1174580, Y = 422787.
2. Ngày đo <i>Date of measurement</i>	: 30/03/2023
3. Khách hàng <i>Customer</i>	: Công ty cổ phần China Steel & Nippon Steel Việt Nam.
4. Kết quả đo <i>Measurement result</i>	:

Tên chỉ tiêu <i>Name of measurement norm</i>	Thiết bị đo/Phương pháp <i>Methods/Equipment for measurement</i>	Kết quả <i>Result</i>	QCVN 05:2013/BTNMT
1. Bụi toàn phần mg/m ³	TCVN 5067:1995	<0,033	0,3
2. Bụi PM10 mg/m ³	MASA 501	<0,033	-
3. Nhiệt độ °C	SOP-PQT-30	33,7	-
4. Độ ẩm %	SOP-PQT-30	59,7	-
5. Vận tốc gió m/s	SOP-PQT-30	0,80	-
6. Khí SO ₂ mg/m ³	TCVN 5971:1995	<0,033	0,35
7. Khí NO ₂ mg/m ³	TCVN 6137:2009	<0,010	0,2
8. Khí CO mg/m ³	SOP-PTN-CO	<6,75	30

***Ghi chú:**

- Mẫu do Trung tâm Quan trắc TN&MT lấy theo Hợp đồng số 21P1O00007 ngày 01/04/2021.

-: Không quy định.

TRƯỞNG PHÒNG
DỊCH VỤ TƯ VẤN MÔI TRƯỜNG

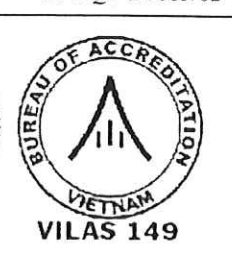


Nguyễn Thị Hằng

GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Xuân Sơn

	SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU DEPARTMENT OF NATURAL RESOURCES AND ENVIRONMENT OF BARIA-VUNGTAU PROVINCE TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG CENTER OF ENVIRONMENTAL MONITORING AND RESOURCES 28B Thị Sách, P.Thắng Tam, TP.Vũng Tàu - Tel: 0254.3523394 - Fax: 0254.3852413 Website: quantracmoitruongvungtau.com Email: quantracmoitruongvungtau@gmail.com		
--	---	--	--

B23.71-73/TTQT A23.0032	PHIẾU KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG ENVIRONMENT MONITORING REPORT	Ngày: 20/03/2023 Trang: 01/01
--	---	--

1. Vị trí đo <i>Measurement Location</i>	: K4 – K6. ON1-NO3
2. Ngày đo <i>Date of measurement</i>	: 08/03/2023
3. Khách hàng <i>Customer</i>	: Công ty cổ phần China Steel & Nippon Steel Việt Nam.
4. Kết quả đo <i>Measurement result</i>	:

Tên chỉ tiêu <i>Name of measurement norm</i>	Thiết bị đo/Phương pháp <i>Methods/Equipment for measurement</i>	Kết quả <i>Result</i>		
		K4	K5	K6
1. Tiếng ồn dBA	TCVN 7878:2018	57,2	61,6	53,6
2. Tiếng ồn (max) dBA	TCVN 7878:2018	81,3	81,6	72,3
3. Tiếng ồn (min) dBA	TCVN 7878:2018	42,9	43,5	49,2

***Ghi chú:**

- K4: Tiếng ồn tại khu vực Administration Office ADM (ON1).
- K5: Tiếng ồn khu dân cư, cách hàng rào Nhà máy 400 - 500m về phía Đông Bắc (ON2). Vị trí lấy mẫu có tọa độ X = 1174378, Y = 423197.
- K6: Tiếng ồn khu dân cư, cách hàng rào Nhà máy 500m về phía Đông Nam (ON3). Vị trí lấy mẫu có tọa độ X = 1175230, Y = 422818.
- Mẫu do Trung tâm Quan trắc TN&MT lấy theo Hợp đồng số 21P1O00007 ngày 01/04/2021.

**TRƯỞNG PHÒNG
DỊCH VỤ TƯ VẤN MÔI TRƯỜNG**

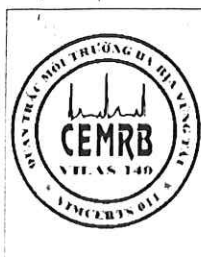


Nguyễn Thị Hằng

**GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Xuân Sơn

	SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU DEPARTMENT OF NATURAL RESOURCES AND ENVIRONMENT OF BARIA-VUNGTAU PROVINCE TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG CENTER OF ENVIRONMENTAL MONITORING AND RESOURCES 28B Thị Sạch, P. Thắng Tam, TP. Vũng Tàu - Tel: 0254.3523394 - Fax: 0254.3852413 Website: quantracmoitruongvungtau.com Email: quantracmoitruongvungtau@gmail.com		
--	---	--	--

B23.77 - 78/TTQT A23.0034	PHIẾU KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG ENVIRONMENT MONITORING REPORT	Ngày: 20/03/2023 Trang: 01/01
--------------------------------------	---	--

1. Vị trí đo Measurement Location	: K4 – K6. 01-03
2. Ngày đo Date of measurement	: 09/03/2023
3. Khách hàng Customer	: Công ty cổ phần China Steel & Nippon Steel Việt Nam.
4. Kết quả đo Measurement result	:

Tên chỉ tiêu Name of measurement norm	Thiết bị đo/Phương pháp Methods/Equipment for measurement	Kết quả Result		
		K4	K5	K6
1. Tiếng ồn dBA	TCVN 7878:2018	73,4	73,0	74,8
2. Tiếng ồn (max) dBA	TCVN 7878:2018	80,8	75,3	86,9
3. Tiếng ồn (min) dBA	TCVN 7878:2018	59,3	71,4	72,4

***Ghi chú:**

- K4: Tiếng ồn tại khu vực tránh phủ ACL01 (O1). Tọa độ X: 11737781, Y: 422711.
- K5: Tiếng ồn tại khu vực tránh phủ ACL02 (O2). Tọa độ X: 1174485, Y: 422781.
- K6: Tiếng ồn tại khu vực tránh phủ ACL03 (O3). Tọa độ X: 1174483, Y: 422794.
- Mẫu do Trung tâm Quan trắc TN&MT lấy theo Hợp đồng số 21P1O00007 ngày 01/04/2021.

TRƯỞNG PHÒNG DỊCH VỤ TƯ VẤN MÔI TRƯỜNG  Nguyễn Thị Hằng	GIÁM ĐỐC PHÓ GIÁM ĐỐC   Nguyễn Xuân Sơn
--	--

	SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU DEPARTMENT OF NATURAL RESOURCES AND ENVIRONMENT OF BARIA-VUNGTAU PROVINCE TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG CENTER OF ENVIRONMENTAL MONITORING AND RESOURCES 28B Thị Sách, P.Thắng Tam, TP.Vũng Tàu - Tel: 0254.3852394 - Fax: 0254.3852413 Website: quantracmoitruongvungtau.com Email: quantracmoitruongvungtau@gmail.com		 VILAS 149
---	---	---	--

B23.83 ÷ 84/TTQT A23.0036	PHIẾU KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG ENVIRONMENT MONITORING REPORT	Ngày: 20/03/2023 Trang: 01/01
--------------------------------------	---	--

1. Vị trí đo Measurement Location	: K10 ÷ K11 ARP-01 & ARP-02
2. Ngày đo Date of measurement	: 09/03/2023
3. Khách hàng Customer	: Công ty cổ phần China Steel & Nippon Steel Việt Nam.
4. Kết quả đo Measurement result	:

Tên chỉ tiêu Name of measurement norm	Thiết bị đo/Phương pháp Methods/Equipment for measurement	Kết quả Result		QCVN 51:2017/ BTNMT
		K10	K11	
1. Bụi tổng mg/Nm ³	US EPA Method 05	<10	<10	200
2. Lưu lượng m ³ /h	SOP-PQT-KT06	17,074	9,387	-
3. Khí SO ₂ mg/Nm ³	SOP-PQT-KT01	<2,6	117,9	500
4. Khí NO _x mg/Nm ³	SOP-PQT-KT01	28,2	2,4	850
5. Khí CO mg/Nm ³	SOP-PQT-KT01	35,3	27,4	1000
6. Khí HCl* mg/Nm ³	US EPA Method 26A	<0,0035	<0,0035	-
7. Khí Cl ₂ * mg/Nm ³	US EPA Method 26A	<0,0057	<0,0057	-

***Ghi chú:**

- K10: Khí thải trong lòng ống khói khu tái sinh acid ARP-01. Tọa độ X = 1174643, Y = 423091.
- K11: Khí thải trong lòng ống khói khu tái sinh acid ARP-02. Tọa độ X = 1174645, Y = 423094.
- Mẫu do Trung tâm Quan trắc TN&MT lấy theo Hợp đồng số 21P1000007 ngày 01/04/2021.
- (*) Trích sao kết quả của nhà thầu phụ "Trung tâm Tư vấn Công nghệ môi trường và An toàn vệ sinh lao động".

TRƯỞNG PHÒNG
DỊCH VỤ TƯ VẤN MÔI TRƯỜNG



Nguyễn Thị Hằng

GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Xuân Sơn

	SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU DEPARTMENT OF NATURAL RESOURCES AND ENVIRONMENT OF BARIA-VUNGTAU PROVINCE TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG CENTER OF ENVIRONMENTAL MONITORING AND RESOURCES 28B Thị Sạch, P. Thới Tam, TP. Vũng Tàu - Tel: 064.3523394 - Fax: 064.3852413 Website: quantracmoitruongvungtau.com Email: quantracmoitruongvungtau@gmail.com		
--	--	---	---

B23.80 - 82/TTQT A2.0035	PHIẾU KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG ENVIRONMENT MONITORING REPORT	Ngày: 20/03/2023 Trang: 01/01
-------------------------------------	---	--

1. Vị trí đo Measurement Location	: K7 – K9 PL01-PL03
2. Ngày đo Date of measurement	: 09/03/2023
3. Khách hàng Customer	: Công ty cổ phần China Steel & Nippon Steel Việt Nam.
4. Kết quả đo Measurement result	:

Tên chỉ tiêu Name of measurement norm	Thiết bị đo/Phương pháp Methods/Equipment for measurement	Kết quả Result			QCVN 51:2017/ BTNMT
		K7	K8	K9	
1. Bụi tổng mg/Nm ³	EPA Method 5	<10	<10	<10	200
2. Lưu lượng m ³ /h	SOP-PQT-KT06	6.968	35.888	270742	-
3. Khí SO ₂ mg/Nm ³	SOP-PQT-KT01	55	2,6	2,6	500
4. Khí NO _x mg/Nm ³	SOP-PQT-KT01	<1,9	2,3	1,9	850
5. Khí CO mg/Nm ³	SOP-PQT-KT01	4,6	1,9	<1,1	1000
6. Khí HCl* mg/Nm ³	US EPA Method 26A	<0,035	<0,035	<0,035	-
7. Khí Cl ₂ * mg/Nm ³	US EPA Method 26A	<0,057	<0,057	<0,057	-

***Ghi chú:**

- K7: Khí thải trong lòng ống khói khí thải của Xưởng sản xuất thép cuộn tẩy gỉ (PLTCM) PL-01. Tọa độ X=1174700, Y=432071.
- K8: Khí thải trong lòng ống khói khí thải của Xưởng sản xuất thép cuộn tẩy gỉ (PLTCM) PL-02. Tọa độ X=1174788, Y=432065.
- K9: Khí thải trong lòng ống khói khí thải của Xưởng sản xuất thép cuộn tẩy gỉ (PLTCM) PL-03. Tọa độ X=1174546, Y=422970.
- Mẫu do Trung tâm Quan trắc TN&MT lấy theo Hợp đồng số 21P1000007 ngày 01/04/2021.
- (*) Trích sao kết quả của nhà thầu phụ "Trung tâm Tư vấn Công nghệ môi trường và An toàn vệ sinh lao động".

TRƯỞNG PHÒNG
DỊCH VỤ TƯ VẤN MÔI TRƯỜNG


Nguyễn Thị Hằng

GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC




Nguyễn Xuân Sơn

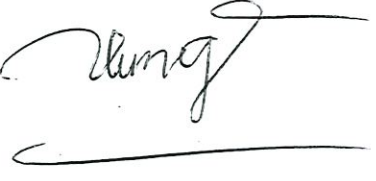
	SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU DEPARTMENT OF NATURAL RESOURCES AND ENVIRONMENT OF BARIA-VUNGTAU PROVINCE TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG CENTER OF ENVIRONMENTAL MONITORING AND RESOURCES 28B Thi Sách, P. Thắc Tam, TP. Vũng Tàu - Tel: 064.3523394 - Fax: 064.3852413 Website: quantracmoitruongvungtau.com Email: quantracmoitruongvungtau@gmail.com		
--	--	--	--

B23.70/TTQT A23.0031	PHIẾU KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG ENVIRONMENT MONITORING REPORT	Ngày: 20/03/2023 Trang: 01/01
---	---	--

1. Vị trí đo <i>Measurement Location</i>	: Khí thải trong lòng ống khói khí thải tại khu vực sản xuất thép điện từ (ACL03). Vị trí lấy mẫu có tọa độ X = 1174459, Y = 422713.
2. Ngày đo <i>Date of measurement</i>	: 08/03/2023
3. Khách hàng <i>Customer</i>	: Công ty cổ phần China Steel & Nippon Steel Việt Nam.
4. Kết quả đo <i>Measurement result</i>	:

Tên chỉ tiêu <i>Name of measurement norm</i>	Thiết bị đo/Phương pháp <i>Methods/Equipment for measurement</i>	Kết quả <i>Result</i>	QCVN 51:2017/BTNMT
1. Bụi tổng mg/Nm ³	US EPA Method 05	<10	200
2. Nhiệt độ °C	SOP-PQT-KT06	362,8	-
3. Lưu lượng m ³ /h	SOP-PQT-KT06	31.044	-
4. Khí SO ₂ mg/Nm ³	SOP-PQT-KT01	5,2	500
5. Khí NO _x mg/Nm ³	SOP-PQT-KT01	18,4	850
6. Khí CO mg/Nm ³	SOP-PQT-KT01	23,9	1000

***Ghi chú:**
- Mẫu do Trung tâm Quan trắc TN&MT lấy theo Hợp đồng số 21P1000007 ngày 01/04/2021.
-: Không quy định.

TRƯỞNG PHÒNG DỊCH VỤ TƯ VẤN MÔI TRƯỜNG  Nguyễn Thị Hằng	GIÁM ĐỐC PHÓ GIÁM ĐỐC   Nguyễn Xuân Sơn
---	---

Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm quan trắc Tài nguyên và môi trường. Kết quả này chỉ có giá trị tại thời điểm và vị trí đo như đã nêu ở trên.
This Environment Monitoring Report shall not be reproduced except in full, without the written of Center of Environmental Monitoring and Resources. This result is only going to have value in time and location of measurement as reminding above.

	SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU DEPARTMENT OF NATURAL RESOURCES AND ENVIRONMENT OF BARIA-VUNGTAU PROVINCE TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG CENTER OF ENVIRONMENTAL MONITORING AND RESOURCES 28B Thị Sách, P. Thắng Tam, TP. Vũng Tàu - Tel: 064.3523394 - Fax: 064.3852413 Website: quantracmoitruongvungtau.com Email: quantracmoitruongvungtau@gmail.com		 VILAS 149
---	---	---	--

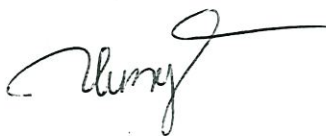
B23.69/TTQT A23.0030	PHIẾU KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG ENVIRONMENT MONITORING REPORT	Ngày: 20/03/2023 Trang: 01/01
---	---	--

1. Vị trí đo <i>Measurement Location</i>	: Khí thải trong lòng ống khói khí thải tại khu vực sản xuất thép điện từ (ACL02). Vị trí lấy mẫu có tọa độ X = 1174465, Y = 422748.
2. Ngày đo <i>Date of measurement</i>	: 08/03/2023
3. Khách hàng <i>Customer</i>	: Công ty cổ phần China Steel & Nippon Steel Việt Nam.
4. Kết quả đo <i>Measurement result</i>	:

Tên chỉ tiêu <i>Name of measurement norm</i>	Thiết bị đo/Phương pháp <i>Methods/Equipment for measurement</i>	Kết quả <i>Result</i>	QCVN 51:2017/BTNMT
1. Bụi tổng mg/Nm ³	US EPA Method 05	<10	200
2. Nhiệt độ °C	SOP-PQT-KT06	116,3	-
3. Lưu lượng m ³ /h	SOP-PQT-KT06	17.599	-
4. Khí SO ₂ mg/Nm ³	SOP-PQT-KT01	2,6	500
5. Khí NO _x mg/Nm ³	SOP-PQT-KT01	184,4	850
6. Khí CO mg/Nm ³	SOP-PQT-KT01	3,4	1000

***Ghi chú:**
- Mẫu do Trung tâm Quan trắc TN&MT lấy theo Hợp đồng số 21P1O00007 ngày 01/04/2021.
- Không quy định.

TRƯỞNG PHÒNG
DỊCH VỤ TƯ VẤN MÔI TRƯỜNG



Nguyễn Thị Hằng

GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Xuân Sơn

	SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU DEPARTMENT OF NATURAL RESOURCES AND ENVIRONMENT OF BARIA-VUNGTAU PROVINCE TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG CENTER OF ENVIRONMENTAL MONITORING AND RESOURCES 28B Thị Sach, P. Thang Tam, TP. Vũng Tàu - Tel: 064.3523394 - Fax: 064.3852413 Website: quantracmoitruongvungtau.com Email: quantracmoitruongvungtau@gmail.com		
---	---	---	---

B23.68/TTQT A23.0029	PHIẾU KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG ENVIRONMENT MONITORING REPORT	Ngày: 20/03/2023 Trang: 01/01
---	---	--

1. Vị trí đo <i>Measurement Location</i>	: Khí thải trong lòng ống khói khí thải tại khu vực sản xuất thép điện từ (ACL01). Vị trí lấy mẫu có tọa độ X = 1174459, Y = 422844.
2. Ngày đo <i>Date of measurement</i>	: 08/03/2023
3. Khách hàng <i>Customer</i>	: Công ty cổ phần China Steel & Nippon Steel Việt Nam.
4. Kết quả đo <i>Measurement result</i>	:

Tên chỉ tiêu <i>Name of measurement norm</i>	Thiết bị đo/Phương pháp <i>Methods/Equipment for measurement</i>	Kết quả <i>Result</i>	QCVN 51:2017/BTNMT
1. Bụi tổng mg/Nm ³	US EPA Method 05	<10	200
2. Nhiệt độ °C	SOP-PQT-KT06	42,3	-
3. Lưu lượng m ³ /h	SOP-PQT-KT06	6.672	-
4. Khí SO ₂ mg/Nm ³	SOP-PQT-KT01	52,4	500
5. Khí NO _x mg/Nm ³	SOP-PQT-KT01	2,6	850
6. Khí CO mg/Nm ³	SOP-PQT-KT01	39,9	1000

***Ghi chú:**
- Mẫu do Trung tâm Quan trắc TN&MT lấy theo Hợp đồng số 21P1000007 ngày 01/04/2021.
-: Không quy định.

TRƯỞNG PHÒNG
DỊCH VỤ TƯ VẤN MÔI TRƯỜNG

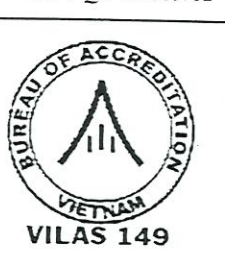


Nguyễn Thị Hằng

GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Xuân Sơn

	SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU DEPARTMENT OF NATURAL RESOURCES AND ENVIRONMENT OF BARIA-VUNGTAU PROVINCE TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG CENTER OF ENVIRONMENTAL MONITORING AND RESOURCES 28B Thị Sách, P. Thới Tam, TP. Vũng Tàu - Tel: 0254.3523394 - Fax: 0254.352413 Website: quantracmoitruongvungtau.com Email: quantracmoitruongvungtau@gmail.com		 VILAS 149
--	---	---	--

B23.66/TTQT A23.0027	PHIẾU KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG ENVIRONMENT MONITORING REPORT	Ngày: 20/03/2023 Trang: 01/01
---	---	--

1. Vị trí đo <i>Measurement Location</i>	: Khí thải trong lòng ống khói lò hơi BOI-02. Vị trí lấy mẫu có tọa độ X = 1174616, Y = 422923.
2. Ngày đo <i>Date of measurement</i>	: 08/03/2023
3. Khách hàng <i>Customer</i>	: Công ty cổ phần China Steel & Nippon Steel Việt Nam.
4. Kết quả đo <i>Measurement result</i>	:

Tên chỉ tiêu <i>Name of measurement norm</i>	Thiết bị đo/Phương pháp <i>Methods/Equipment for measurement</i>	Kết quả <i>Result</i>	QCVN 51:2017 /BTNMT
1. Bụi tổng mg/Nm ³	US EPA Method 05	<10	200
2. Lưu lượng m ³ /h	SOP-PQT-KT06	18.365	-
3. Nhiệt độ °C	SOP-PQT-KT06	74,3	-
4. Khí SO ₂ mg/Nm ³	SOP-PQT-KT01	<2,6	500
5. Khí NO _x mg/Nm ³	SOP-PQT-KT01	96,6	850
6. Khí CO mg/Nm ³	SOP-PQT-KT01	<1,1	1000

***Ghi chú:**
- Mẫu do Trung tâm Quan trắc TN&MT lấy theo Hợp đồng số 21P1000007 ngày 01/04/2021.

**TRƯỞNG PHÒNG
DỊCH VỤ TƯ VẤN MÔI TRƯỜNG**



Nguyễn Thị Hằng

**GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Xuân Sơn

	SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU DEPARTMENT OF NATURAL RESOURCES AND ENVIRONMENT OF BARIA-VUNGTAU PROVINCE TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG CENTER OF ENVIRONMENTAL MONITORING AND RESOURCES 28B Thi Sách, P.Thắng Tam, TP.Vũng Tàu - Tel: 064.3523394 - Fax: 064.3852413 Website: quantracmoitruongvungtau.com Email: quantracmoitruongvungtau@gmail.com		 VILAS 149
---	---	---	--

B23.67/TTQT A23.0028	PHIẾU KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG ENVIRONMENT MONITORING REPORT	Ngày: 20/03/2023 Trang: 01/01
---	---	--

1. Vị trí đo <i>Measurement Location</i>	: Khí thải trong lòng ống khói ống khói khu vực QA-01.
2. Ngày đo <i>Date of measurement</i>	: 08/03/2023
3. Khách hàng <i>Customer</i>	: Công ty cổ phần China Steel & Nippon Steel Việt Nam.
4. Kết quả đo <i>Measurement result</i>	:

Tên chỉ tiêu <i>Name of measurement norm</i>	Thiết bị đo/Phương pháp <i>Methods/Equipment for measurement</i>	Kết quả <i>Result</i>	QCVN 51:2017/BTNMT
1. Bụi tổng mg/Nm ³	US EPA Method 05	<10	200
2. Nhiệt độ °C	SOP-PQT-KT06	22,7	-
3. Lưu lượng m ³ /h	SOP-PQT-KT06	1.314	-
4. Khí SO ₂ mg/Nm ³	SOP-PQT-KT01	<2,6	500
5. Khí NO _x mg/Nm ³	SOP-PQT-KT01	<1,9	850
6. Khí CO mg/Nm ³	SOP-PQT-KT01	<1,1	1000

***Ghi chú:**

- Mẫu do Trung tâm Quan trắc TN&MT lấy theo Hợp đồng số 21P1O00007 ngày 01/04/2021.

.-: Không quy định.

TRƯỞNG PHÒNG
DỊCH VỤ TƯ VẤN MÔI TRƯỜNG



Nguyễn Thị Hằng

GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Xuân Sơn

Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm quan trắc Tài nguyên và môi trường. Kết quả này chỉ có giá trị tại thời điểm và vị trí đo như đã nêu ở trên./
This Environment Monitoring Report shall not be reproduced except in full, without the written of Center of Environmental Monitoring and Resources. This result is only going to have value in time and location of measurement as reminding above.

	SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU DEPARTMENT OF NATURAL RESOURCES AND ENVIRONMENT OF BARIA-VUNGTAU PROVINCE TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG CENTER OF ENVIRONMENTAL MONITORING AND RESOURCES 28B Thi Sách, P.Thắng Tam, TP.Vũng Tàu - Tel: 064.3523394 - Fax: 064.3852413 Website: quantracmoitruongvungtau.com Email: quantracmoitruongvungtau@gmail.com		
---	---	---	---

B23.113/TTQT A23.0047	PHIẾU KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG ENVIRONMENT MONITORING REPORT	Ngày: 04/04/2023 Trang: 01/01
--	---	--

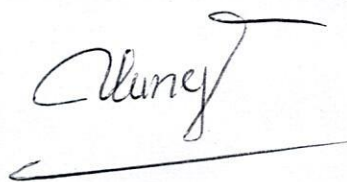
1. Vị trí đo <i>Measurement Location</i>	: Khí thải trong lòng ống khói khí thải tại xưởng sản xuất thép cuộn mạ kẽm (CGL01).
2. Ngày đo <i>Date of measurement</i>	: 24/03/2023
3. Khách hàng <i>Customer</i>	: Công ty cổ phần China Steel & Nippon Steel Việt Nam.
4. Kết quả đo <i>Measurement result</i>	:

Tên chỉ tiêu <i>Name of measurement norm</i>	Thiết bị đo/Phương pháp <i>Methods/Equipment for measurement</i>	Kết quả <i>Result</i>	QCVN 51:2017/BTNMT
1. Bụi tổng mg/Nm ³	US EPA Method 05	<10	200
2. Nhiệt độ °C	SOP-PQT-KT06	318,8	-
3. Lưu lượng m ³ /h	SOP-PQT-KT06	181.807	-
4. Khí SO ₂ mg/Nm ³	SOP-PQT-KT01	20,9	500
5. Khí NO _x mg/Nm ³	SOP-PQT-KT01	110,4	850
6. Khí CO mg/Nm ³	SOP-PQT-KT01	29,6	1000

***Ghi chú:**

- Mẫu do Trung tâm Quan trắc TN&MT lấy theo Hợp đồng số 21P1O00007 ngày 01/04/2021.
-: Không quy định.

TRƯỞNG PHÒNG
DỊCH VỤ TƯ VẤN MÔI TRƯỜNG



Nguyễn Thị Hằng

GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC





	SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU DEPARTMENT OF NATURAL RESOURCES AND ENVIRONMENT OF BARIA-VUNGTAU PROVINCE TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG CENTER OF ENVIRONMENTAL MONITORING AND RESOURCES 28B Thi Sách, P.Thắng Tam, TP. Vũng Tàu - Tel: 064.3523394 - Fax: 064.3852413 Website: quantracmoitruongvungtau.com Email: quantracmoitruongvungtau@gmail.com		
---	--	---	---

B23.114/TTQT A23.0048	PHIẾU KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG ENVIRONMENT MONITORING REPORT	Ngày: 04/04/2023 Trang: 01/01
--	---	--

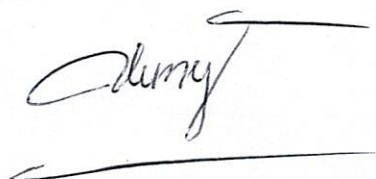
1. Vị trí đo <i>Measurement Location</i>	: Khí thải trong lòng ống khói khí thải tại xưởng sản xuất thép cuộn mạ kẽm (CGL02).
2. Ngày đo <i>Date of measurement</i>	: 24/03/2023
3. Khách hàng <i>Customer</i>	: Công ty cổ phần China Steel & Nippon Steel Việt Nam.
4. Kết quả đo <i>Measurement result</i>	:

Tên chỉ tiêu <i>Name of measurement norm</i>	Thiết bị đo/Phương pháp <i>Methods/Equipment for measurement</i>	Kết quả <i>Result</i>	QCVN 51:2017/BTNMT
1. Bụi tổng mg/Nm ³	US EPA Method 05	<10	200
2. Nhiệt độ °C	SOP-PQT-KT06	44,4	-
3. Lưu lượng m ³ /h	SOP-PQT-KT06	65.705	-
4. Khí SO ₂ mg/Nm ³	SOP-PQT-KT01	<2,6	500
5. Khí NO _x mg/Nm ³	SOP-PQT-KT01	<1,9	850
6. Khí CO mg/Nm ³	SOP-PQT-KT01	1,1	1000

***Ghi chú:**

- Mẫu do Trung tâm Quan trắc TN&MT lấy theo Hợp đồng số 21P1000007 ngày 01/04/2021.
-: Không quy định.

TRƯỞNG PHÒNG
DỊCH VỤ TƯ VẤN MÔI TRƯỜNG



Nguyễn Thị Hằng

GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Xuân Sơn

	SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU DEPARTMENT OF NATURAL RESOURCES AND ENVIRONMENT OF BARIA-VUNGTAU PROVINCE TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG CENTER OF ENVIRONMENTAL MONITORING AND RESOURCES 28B Thị Sách, P. Thới Tam, TP. Vũng Tàu - Tel: 064.3523394 - Fax: 064.3852413 Website: quantracmoitruongvungtau.com Email: quantracmoitruongvungtau@gmail.com		
--	--	--	--

B23.115/TTQT A23.0049	PHIẾU KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG ENVIRONMENT MONITORING REPORT	Ngày: 04/04/2023 Trang: 01/01
--	---	--

1. Vị trí đo <i>Measurement Location</i>	: Khí thải trong lòng ống khói khí thải tại xưởng sản xuất thép cuộn mạ kẽm (CGL03).
2. Ngày đo <i>Date of measurement</i>	: 24/03/2023
3. Khách hàng <i>Customer</i>	: Công ty cổ phần China Steel & Nippon Steel Việt Nam.
4. Kết quả đo <i>Measurement result</i>	:

Tên chỉ tiêu <i>Name of measurement norm</i>	Thiết bị đo/Phương pháp <i>Methods/Equipment for measurement</i>	Kết quả <i>Result</i>	QCVN 51:2017/BTNMT
1. Bụi tổng mg/Nm ³	US EPA Method 05	<10	200
2. Nhiệt độ °C	SOP-PQT-KT06	42,4	-
3. Lưu lượng m ³ /h	SOP-PQT-KT06	7.525	-
4. Khí SO ₂ mg/Nm ³	SOP-PQT-KT01	<2,6	500
5. Khí NO _x mg/Nm ³	SOP-PQT-KT01	<1,9	850
6. Khí CO mg/Nm ³	SOP-PQT-KT01	<1,1	1000

***Ghi chú:**

- Mẫu do Trung tâm Quan trắc TN&MT lấy theo Hợp đồng số 21P1O00007 ngày 01/04/2021.

-: Không quy định.

TRƯỞNG PHÒNG DỊCH VỤ TƯ VẤN MÔI TRƯỜNG	GIÁM ĐỐC PHÓ GIÁM ĐỐC
Nguyễn Thị Hằng	<i>Nguyễn Xuân Sơn</i>

	SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU DEPARTMENT OF NATURAL RESOURCES AND ENVIRONMENT OF BARIA-VUNGTAU PROVINCE TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG CENTER OF ENVIRONMENTAL MONITORING AND RESOURCES 28B Thi Sách, P. Thằng Tầu, TP. Vũng Tàu - Tel: 064.3523394 - Fax: 064.3852413 Website: quantracmoitruongvungtau.com Email: quantracmoitruongvungtau@gmail.com		
---	---	---	---

B23.116/TTQT A23.0050	PHIẾU KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG ENVIRONMENT MONITORING REPORT	Ngày: 04/04/2023 Trang: 01/01
--	---	--

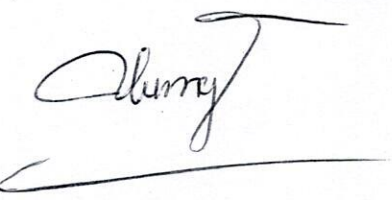
1. Vị trí đo <i>Measurement Location</i>	: Khí thải trong lòng ống khói khí thải của xưởng sản xuất thép cuộn cán nguội CAL01.
2. Ngày đo <i>Date of measurement</i>	: 24/03/2023
3. Khách hàng <i>Customer</i>	: Công ty cổ phần China Steel & Nippon Steel Việt Nam.
4. Kết quả đo <i>Measurement result</i>	:

Tên chỉ tiêu <i>Name of measurement norm</i>	Thiết bị đo/Phương pháp <i>Methods/Equipment for measurement</i>	Kết quả <i>Result</i>	QCVN 51:2017/BTNMT
1. Bụi tổng mg/Nm ³	US EPA Method 05	<10	200
2. Nhiệt độ °C	SOP-PQT-KT06	334,6	-
3. Lưu lượng m ³ /h	SOP-PQT-KT06	35.167	-
4. Khí SO ₂ mg/Nm ³	SOP-PQT-KT01	18,3	500
5. Khí NO _x mg/Nm ³	SOP-PQT-KT01	143,1	850
6. Khí CO mg/Nm ³	SOP-PQT-KT01	1,1	1000

***Ghi chú:**

- Mẫu do Trung tâm Quan trắc TN&MT lấy theo Hợp đồng số 21P1000007 ngày 01/04/2021.
-: Không quy định.

TRƯỞNG PHÒNG
DỊCH VỤ TƯ VẤN MÔI TRƯỜNG



Nguyễn Thị Hằng

GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC




Nguyễn Xuân Sơn

	SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU DEPARTMENT OF NATURAL RESOURCES AND ENVIRONMENT OF BARIA-VUNGTAU PROVINCE TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG CENTER OF ENVIRONMENTAL MONITORING AND RESOURCES 28B Thị Sách, P. Thới Tam, TP. Vũng Tàu - Tel: 064.3523394 - Fax: 064.3852413 Website: quantracmoitruongvungtau.com Email: quantracmoitruongvungtau@gmail.com		
---	--	---	---

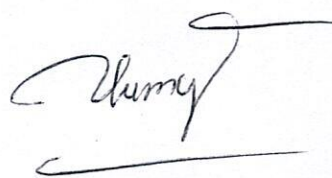
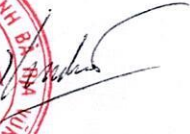
B23.117/TTQT A23.0051	PHIẾU KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG ENVIRONMENT MONITORING REPORT	Ngày: 04/04/2023 Trang: 01/01
--	---	--

1. Vị trí đo <i>Measurement Location</i>	: Khí thải trong lòng ống khói khí thải của xưởng sản xuất thép cuộn cán nguội CAL02.
2. Ngày đo <i>Date of measurement</i>	: 24/03/2023
3. Khách hàng <i>Customer</i>	: Công ty cổ phần China Steel & Nippon Steel Việt Nam.
4. Kết quả đo <i>Measurement result</i>	:

Tên chỉ tiêu <i>Name of measurement norm</i>	Thiết bị đo/Phương pháp <i>Methods/Equipment for measurement</i>	Kết quả <i>Result</i>	QCVN 51:2017/BTNMT
1. Bụi tổng mg/Nm ³	US EPA Method 05	<10	200
2. Nhiệt độ °C	SOP-PQT-KT06	40,5	-
3. Lưu lượng m ³ /h	SOP-PQT-KT06	10.887	-
4. Khí SO ₂ mg/Nm ³	SOP-PQT-KT01	<2,6	500
5. Khí NO _x mg/Nm ³	SOP-PQT-KT01	<1,9	850
6. Khí CO mg/Nm ³	SOP-PQT-KT01	<1,1	1000

***Ghi chú:**

- Mẫu do Trung tâm Quan trắc TN&MT lấy theo Hợp đồng số 21P1O00007 ngày 01/04/2021.
-: Không quy định.

TRƯỞNG PHÒNG DỊCH VỤ TƯ VẤN MÔI TRƯỜNG  Nguyễn Thị Hằng	GIÁM ĐỐC PHÓ GIÁM ĐỐC   Nguyễn Xuân Sơn
---	---